

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1009/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 13 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất
năm 2022 thị xã Kỳ Anh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, rừng phòng hộ (bổ sung) năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 04/3/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thị xã Kỳ Anh;

Xét đề nghị của UBND thị xã Kỳ Anh tại Tờ trình số 44/TTr-UBND ngày 23/3/2022 về việc bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thị xã Kỳ Anh;

Đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1542/TTr-STMMT ngày 11/5/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thị xã Kỳ Anh, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Danh mục các công trình, dự án điều chỉnh, bổ sung thực hiện trong năm 2022

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm					Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất						
					LUA	RPH	RDD	ĐẤT KHÁC			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)=(6)+..(9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		(11)
A	Danh mục đã được phê duyệt tại QĐ số 519 ngày 04/3/2022 của UBND tỉnh cần điều chỉnh	17,00		17,00	0,30	3,00		13,70			
1	Bãi chứa vật tư bổ sung phục vụ thi công Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 2	17,00		17,00	0,30	3,00		13,70	Thôn Hải Phong, xã Kỳ Lợi	161	
B	Danh mục điều chỉnh	17,00		17,00	0,30	3,00		13,70			
1	Bãi chứa vật tư bổ sung phục vụ thi công Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 2	16,37		16,37	0,30	3,00		13,07	Thôn Hải Phong, xã Kỳ Lợi	494 (161)	
2	Hệ thống nước làm mát, trạm bơm và cầu cảng (bổ sung) thuộc Dự án Nhà máy Nhiệt điện VA II	0,63		0,63				0,63	Thôn Hải Phong, xã Kỳ Lợi	495 (161)	
C	Danh mục bổ sung	56,94		56,94	0,58	0,72		55,64			
I	Đất giao thông	36,24		36,24	0,58	0,72		34,94			
1	Bổ sung Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, đoạn qua thị xã Kỳ Anh (Tổng 75,35ha, đã phê duyệt 39,08ha, còn lại 36,27ha bổ sung)	36,24		36,24	0,58	0,72		34,94	Xã Kỳ Hoa	498	
II	Đất bãi thải, xử lý chất thải	17,70		17,70				17,70			
1	Bãi đổ thải chất thải rắn xây dựng phục vụ Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông	17,70		17,70				17,70	Phường Hưng Trí	496	
III	Đất ở nông thôn	3,00		3,00				3,00			
1	Tái định cư phục vụ Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông	3,00		3,00				3,00	Xã Kỳ Hoa	497	

2. Tổng hợp số liệu sau khi điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2022

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích đã được UBND tỉnh duyệt	Tổng diện tích sau khi điều chỉnh, bổ sung
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		28.553,93	28.553,93
1	Đất nông nghiệp	NNP	15.962,10	15.929,49
	<i>Trong đó:</i>			
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.229,15	1.228,57
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	852,47	851,89
	<i>Đất trồng lúa nước còn lại</i>	LUK	376,68	376,68
	<i>Đất trồng lúa nương</i>	LUN		
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	2.322,35	2.321,29
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.519,03	1.517,92
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	5.657,82	5.657,10
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD		
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	4.356,03	4.327,02
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN	243,00	243,00
	<i>Đất có rừng sản xuất là rừng trồng</i>	RST	3.161,45	3.132,44
	<i>Đất đang sử dụng để bảo vệ, phát triển rừng sản xuất</i>	RSM	951,58	951,58
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	683,94	683,81
1.8	Đất làm muối	LMU	80,35	80,35
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	113,43	113,43
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	11.518,45	11.551,06
	<i>Trong đó:</i>			
2.1	Đất quốc phòng	CQP	185,05	185,05
2.2	Đất an ninh	CAN	9,77	9,77
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	4.211,12	4.211,12
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	4,40	4,40
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	282,25	282,25
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	358,49	358,49
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	8,26	8,26
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	263,02	263,02
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	4.062,78	4.095,57
	<i>Trong đó:</i>			
-	Đất giao thông	DGT	1.939,96	1.956,28
-	Đất thủy lợi	DTL	1.080,11	1.080,11
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	4,42	4,42

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích đã được UBND tỉnh duyệt	Tổng diện tích sau khi điều chỉnh, bổ sung
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	7,91	7,38
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	78,38	78,38
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	21,46	21,46
-	Đất công trình năng lượng	DNL	512,57	512,57
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	2,46	2,46
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG		
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	3,29	3,29
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	11,60	28,60
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	22,28	22,28
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	367,82	367,82
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH		
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,24	0,24
-	Đất chợ	DCH	10,28	10,28
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		0,00
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	14,53	14,53
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	43,78	43,78
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	396,17	399,17
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	886,34	886,34
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	19,65	19,65
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	2,32	2,32
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	9,99	9,99
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	680,65	677,47
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	79,88	79,88
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK		
3	Đất chưa sử dụng	CSD	1.073,38	1.073,38

Điều 2. Căn cứ Điều 1 của Quyết định này:

1. Ủy ban nhân dân thị xã Kỳ Anh có trách nhiệm:

- Cập nhật danh mục công trình, dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định này vào Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thị xã Kỳ Anh; cập nhật vị trí các công trình, dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định này vào bản đồ Kế hoạch sử dụng đất;

- Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng thẩm quyền và kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;
- Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

- Tham mưu cho UBND tỉnh thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng thẩm quyền và kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.
- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.
- Tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất của UBND thị xã Kỳ Anh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Kỳ Anh và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- TT thị ủy, TT. HĐND TX.Kỳ Anh;
- Phó VP/UB (phụ trách);
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, NL₂

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hồng Lĩnh